

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-PT
Ngày: 22-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh; Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Phan Hoài Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Phan Hoài Đ**, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M (chết) và bà Hồ Thị O; vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số: 885/QĐ-UB ngày 09/6/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong; tại Bản án số: 50/2014/HSST ngày 31/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành án xong ngày 31/7/2015; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19/10/2022 Phan Hoài Đ đã uống rượu tại nhà ông Ngô Văn M1 cùng với ông M1, anh Nguyễn Văn L và một số người khác. Đến khoảng 18 giờ 15

phút cùng ngày thì ra về, Đ điều khiển xe mô tô biển số 71C4-143.43 khi có nồng độ cồn trong máu là 164mg/100ml lưu thông trên Quốc lộ E từ vòng xoay H đến xã L, anh L điều khiển xe mô tô chạy phía sau, khi đến đoạn đường thuộc ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, Đ điều khiển xe lưu thông trên làn đường dành cho xe ô tô, cách tim đường khoảng 50cm đến 70cm với tốc độ qua giám định là 72,45 km/h đến 76,26 km/h, không chú ý quan sát đã đụng vào xe mô tô biển số 71C4-135.70 do bà Trần Thị Ngọc T điều khiển chở mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L1 đang chuyển hướng từ lề phải dành cho xe mô tô (cùng chiều với Đ) sang trái qua đường gây tai nạn, khi xe của bà T đã vào làn đường dành cho xe ô tô và gần đến tim đường. Vụ việc làm bà T tử vong, bà L1 bị thương nhẹ, Đ bị thương tích vùng đầu và mặt, hai xe hư hỏng. Vụ việc được Phòng C Công an tỉnh B thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý.

*Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập lúc 19 giờ 00 phút ngày 19/10/2022 xác định:

Điều kiện về thời tiết, khí hậu, ánh sáng: Ban đêm trời tối, mặt đường khô ráo.

Tình trạng hiện trường: Dấu vết phương tiện còn ở hiện trường. Hiện trường có sự xáo trộn do quy trình cấp cứu nạn nhân và phương tiện lưu thông qua lại.

Hiện trường và quá trình khám nghiệm:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, tầm nhìn không bị che khuất. Mặt đường bê tông nhựa bằng phẳng rộng 11m, đường hai chiều có vạch sơn kẻ ở giữa.

- Các vị trí được đánh dấu số 1, 2, 3 là vết cày; số 4 là xe mô tô biển số 71C4-143.43; số 5 là xe mô tô biển số 71C4-135.70; số 6 là vùng dung dịch.

- Chọn hướng thị trấn C đi xã L làm hướng khám nghiệm. Chọn lề trái theo hướng khám nghiệm làm lề chuẩn. Chọn trụ điện 476CL/14B lề phải làm điểm mốc.

- Theo hướng khám nghiệm từ trụ điện 476CL/14B đến đầu vết cày 1 là 29,9m.

- Số 1 là vết cày có đầu cách lề chuẩn là 6,1m, cuối cách lề chuẩn là 5,6m, vết cày dài 8,9m và có đầu vết cày cách trụ biển báo số 203c là 7,2m và cách biển báo 207b, 201b là 23,8m.

- Số 2 là vết cày dài 4,8m có đầu cách lề chuẩn là 4,4m và cách đầu vết cày 1 là 2,65m và đuôi vết cày 2 cách lề chuẩn là 2,6m. Đầu vết cày 2 cách đầu vết cày 3 là 1,4m.

- Số 3 là vết cày dài 4,2m có đầu vết cày cách lề chuẩn là 4,3m, cuối vết cày cách lề chuẩn là 2,4m.

- Số 4 là xe mô tô biển số 71C4-143.43 có tâm trục trước cách lề chuẩn 1,9m và tâm trục sau cách lề chuẩn là 3m và tâm trục sau cách xe mô tô biển số 71C4-135.70 là 2,35m.

- Số 5 là xe mô tô biển số 71C4-135.70 có tâm trục trước cách lề chuẩn là 4,8m và tâm trục sau cách lề chuẩn là 5,9m và cách tâm vùng dung dịch số 6 là 1,6m.

- Vùng dung dịch kích thước 1,2m x 1m có tâm cách lề chuẩn là 5,2m.

*Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 180/TT ngày 26/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận nguyên nhân chết của bà Trần Thị Ngọc T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương cẳng chân trái, hình không xác định, bờ mép nhám nhở, kích thước 28cm x 15cm gây đứt, xuất huyết tổ chức dưới da và cơ, động mạch, tĩnh mạch và gãy hoàn toàn hai xương cẳng chân thành nhiều đoạn; Diện sây sát da, bầm tụ máu vùng lưng trái và thắt lưng trái, kích thước 25cm x 11cm; Gãy xương sườn số II, III, IV, V, VI bên trái; Máu loãng trong khoang ngực trái; Giập, xuất huyết phổi trái; Máu loãng trong khoang bụng; Vỡ lách nhám nhở.

2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Trần Thị Ngọc T chết do đa chấn thương.

3. Kết luận khác: Không.

*Tại Kết luận giám định số 428/KL-KTHS ngày 23/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Không phát hiện thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa về nội dung, hình ảnh trong tập tin video gửi giám định ký hiệu A.

2. Tốc độ xe mô tô di chuyển theo hướng từ bên trái màn hình quan sát lên phía cạnh trên màn hình quan sát (liên quan tới vụ va chạm giao thông) thời điểm ngay trước khi xảy ra va chạm (thời gian hiển thị 18 giờ 11 phút 20 giây ngày 19/10/2022) là từ: 72.45 km/h đến 76.26 km/h.

3. Không xác định được tốc độ xe mô tô đứng ven đường, sau đó chuyển hướng sang đường (liên quan tới vụ va chạm giao thông) thời điểm xảy ra va chạm giao thông (thời gian hiển thị 18 giờ 11 phút 20 giây ngày 19/10/2022).

*Tại Kết luận giám định số 6079/KL-KTHS ngày 01/12/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu vết trượt xước, gãy vỡ, biến dạng các chi tiết phía trước bên phải xe mô tô biển số 71C4-143.43 (bánh trước, giảm xóc, cung trước chắn bùn bánh trước, chân phanh, đỡ chân trước) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước, gãy vỡ các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 71C4-135.70 (sàn đỡ chân trước, ốp thân xe) có chiều từ sau về trước, từ trái sang phải.

2. Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô biển số 71C4-143.43 và xe mô tô biển số 71C4-135.70 chiếu xuống mặt đường thuộc phần đường bên phải Quốc lộ E theo hướng thị trấn C đi xã L.

*Tại Công văn số 615/CV/C09B ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh trả lời: Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô

biển số 71C4-143.43 và xe mô tô biển số 71C4-135.70 chiếu xuống mặt đường nằm trước đầu vết cày ký hiệu số 1 (theo sơ đồ hiện trường) thuộc phần đường bên phải Quốc lộ E theo hướng từ thị trấn C đi xã L.

*Tại Công văn số 1272/TTYT-KHNV ngày 28/11/2022 của Trung tâm y tế huyện C trả lời về kết quả xét nghiệm nồng độ cồn của Phan Hoài Đ lúc 19 giờ 00 phút ngày 19/10/2022 là 164mg/100ml.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Phan Hoài Đức p “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Hoài Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/3/2024, bị cáo Phan Hoài Đ kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Hoài Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong vụ việc này bị hại cũng có lỗi một phần, hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, bị cáo phải nuôi 04 con chưa thành niên trong khi gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Do không tuân thủ đúng quy tắc giao thông đường bộ, nên vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 19/10/2022, Phan Hoài Đ (có giấy phép lái xe theo quy định) sau khi uống rượu với nồng độ còn trong máu là 164mg/100ml, đã điều khiển xe mô tô biển số 71C4-143.43 lưu thông trên Quốc lộ E hướng từ xã H về xã L, khi đến đoạn đường thuộc ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre có vạch kẻ phân làn màu trắng, Đ điều khiển xe không đúng làn đường (đi trên làn đường dành cho xe ô tô), chạy quá tốc độ từ 72.45 km/h đến 76.26 km/h (quy định 60km/h) và không chú ý quan sát đã đụng vào xe mô tô biển số 71C4-135.70 do bà Trần Thị Ngọc T điều khiển chở theo sau là bà Nguyễn Thị L1 đang chuyển hướng từ làn phải sang trái. Hành vi của Phan Hoài Đ đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 12, điểm b khoản 3 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ; Điều 7 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G. Hậu quả làm cho bà Trần Ngọc T tử vong. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị đưa vào cơ sở giáo dục và bị kết án về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hoặc được chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Xét mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông cũng có một phần lỗi của bị hại khi chuyển đường không có tín hiệu báo rẽ, đồng thời người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có phần nghiêm khắc nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí và do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Hoài Đ **01 (một) năm** tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Phan Hoài Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an huyện C (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã H, h. C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn